

**DANH SÁCH CÔNG KHAI XEN GHÉP DIỆN TÍCH ĐẤT DỊCH VỤ THÔN GIA TRUNG 1**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /5/2026 của UBND xã Quang Minh)*

STT	Họ và tên	Địa chỉ	DT được giao theo ND 64/NĐ-CP (m2)	DT bị thu hồi được xét đất dịch vụ (m2)	Tỷ lệ % DT đất NN bị thu hồi	Số khẩu	Tổng DT đất dịch vụ được hưởng (m2)	Diện tích sau xen ghép	Ghi chú
1	Trần Văn Uẩn (Thu)	Tổ 6	2305.8	1760.7	76.4	4	56.9	99.90	
	Nguyễn Văn Đằm (Nhiều)	Tổ 6	1775.4	1333.7	75.1	3	43.0		
2	Ngô Thị Minh (Thiệu)	Tổ 6	2028.0	1819.0	89.7	3	56.5	100.10	Giao 100m2
	Dương Thị Học (Vinh)	Tổ 6	2,087.5	1211.0	58.0	5	43.6		
3	Hoàng Văn Hay	Tổ 6	577.5	501.0	86.8	7	27.9	62.70	Khai 3, Công an xác nhận 7 khẩu
	Trần Văn Quát	Tổ 6	1462.0	965.9	66.1	4	34.8		
4	Nguyễn Văn Hiếu (Mạo)	Tổ 6	2074.3	1317.1	63.5	5	46.6	65.80	
	Nguyễn Thị Thính (Dung)	Tổ 6	804.7	547.9	68.1	2	19.2		
5	Ngô Văn Phùng	Tổ 6	1771.8	1206.8	68.1	4	41.5	82.50	
	Nguyễn Thị Châu	Tổ 6	1608.3	1333.0	82.9	2	41.0		
6	Nguyễn Thị Thêu	Tổ 6	1825.6	1492.3	81.7	4	49.5	66.10	
	Nguyễn Thị Đồ	Tổ 6	631.8	524.0	82.9	1	16.6		
7	Nguyễn Văn Công	Tổ 6	871.8	797.7	91.5	4	30.2	61.60	
	Trương Văn Lùng	Tổ 6	843.6	843.6	100.0	4	31.4		
8	Nguyễn Thị Vàng	Tổ 6	1433.8	1433.8	100.0	3	45.8	88.60	
	Nguyễn Văn Vụng	Tổ 7	1433.6	1182.0	82.4	4	40.8		
9	Nguyễn Thị Nghi	Tổ 6	1353.3	870.1	64.3	2	28.2	83.90	
	Trần Đăng Cảnh (Kinh)	Tổ 6	2136.7	1787.5	83.7	3	55.7		
10	Trương Thị Mến	Tổ 6	1896.6	1285.2	67.8	4	43.7	95.70	
	Nguyễn Thị Nhung	Tổ 6	2487.5	1584.6	63.7	4	52.0		
11	Nguyễn Văn Ôi	Tổ 6	3525.5	3298.7	93.6	6	103.6		Giao 100m2
12	Nguyễn Văn Luân	Tổ 6	1624.6	1325.6	81.6	6	48.8		Chưa chọn được nhà ghép